TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25- 7- 2017
V/v ly hôn giữa bà N và ông C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Bà Hà Thị Huyền

***Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXX – ST ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản YS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn C, sinh năm 1966. Địa chỉ: Bản YS, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Bà và ông Hà Văn C về chung sống với nhau từ năm 1994, việc hai ông bà chung sống với nhau là do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Ông bà được cả hai gia đình ủng hộ và tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán địa phương nhưng do thiếu hiểu biết về pháp luật nên ông bà không đi đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian 16 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do ông Chuân thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, nhiều lần xúc phạm vợ. Mâu thuẫn giữa hai ông bà đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Năm 2014, bà đã viết đơn xin ly hôn với ông C ra Tòa án, sau đó ông bà lại quay về đoàn tụ với nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Ông bà sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C đã không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là các cháu Hà Thị Đ sinh năm 1997 (đã trưởng thành), cháu Hà Thị Đ1 sinh ngày 01/9/2003 và cháu Hà Văn T sinh ngày 19/02/2005. Nguyện vọng của bà khi ly hôn là được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ1 và cháu Hà Văn T cho đến khi các cháu Đ1, T trưởng thành, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung vợ chồng: Bà N và ông C đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo biên bản ngày 29/6/2017. Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này.

Về nợ chung vợ chồng: Bà và ông C không nợ ai cũng không ai cho vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên ý kiến đã trình bày:

- Về tình cảm: Bà giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông C.
- Về con chung: Bà nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên là Hà Thị Đ1 và Hà Văn T cho đến khi các cháu Đ1, T trưởng thành, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.
- Về tài sản chung của hai vợ chồng: Bà và ông C đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng xong và lập thành biên bản thỏa thận ngày 29/6/2017. Ông bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.
- Về nợ chung: Ông bà không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Hà Văn C trình bày:

Về tình cảm: Ông nhất trí với phần trình bày của bà N về quá trình ông bà về chung sống như vợ chồng với nhau. Sau khi về chung sống cùng nhau, ông bà bắt đầu có mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2014 do bà N đi thu mua sắt vụn vắng nhà, khi về nhà không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng cãi vã nhau. Nguyện vọng của ông là sẽ không quay lại đoàn tụ với bà N.

Về con chung: Ông xác định ông bà có 03 con chung là các cháu Hà Thị Đ sinh năm 1997 (đã trưởng thành), cháu Hà Thị Đ1 sinh ngày 01/9/2003 và cháu Hà Văn T sinh ngày 19/02/2005. Ông có nguyện vọng được nhận nuôi hai con chung chưa thành niên là cháu Đ1 và cháu T. Nếu các con muốn ở cùng mẹ thì ông cũng nhất trí nhưng ông không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

Về tài sản chung vợ chồng: Ông bà đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo biên bản ngày 29/6/2017. Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này.

Về nợ chung vợ chồng: Ông bà không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản chung.

Tại phiên tòa, ông C giữ nguyên ý kiến đã trình bày:

- Về tình cảm: Ông xác nhận không thể quay lại đoàn tụ cùng bà N, đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ vợ chồng giữa hai ông bà theo quy định của pháp luật.
- Về con chung: Ông nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung chưa thành niên là Hà Thị Đ1 và Hà Văn T cho đến khi các cháu Đ1, T trưởng thành, không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông. Nếu các con muốn ở cùng với bà N thì ông cũng nhất trí nhưng ông không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.
- Về tài sản chung của hai vợ chồng: Ông và bà N đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng xong và lập thành biên bản thỏa thận ngày 29/6/2017. Ông bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.
- Về nợ chung: Ông bà không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Hà Văn C. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Hà Thị Đ1 và Hà Văn T cho bà Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung vợ chồng: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2017, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú: Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C là do năm 2014, bà N đi thu mua sắt vụn nên thường xuyên vắng nhà, không có nhiều thời gian cho chồng con nên vợ chồng có mâu thuẫn cãi cọ và bà N bỏ nhà đi, ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Đến đầu năm 2016, ông C sống cùng một người phụ nữ khác như vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng giữa hai ông bà đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà N. Về con chung, ông bà có 03 con chung, cháu Hà Thị Đ sinh năm 1997 (đã trưởng thành và lập gia đình riêng), hai con chung chưa thành niên là cháu Hà Thị Đ1 sinh năm 2003 và Hà Văn T sinh năm 2005, hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với bà N đề nghị Tòa án xem xét cho nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung vợ chồng hai ông bà đã tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 29/6/2017 trước sự chứng kiến của chính quyền bản, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Do bà Đinh Thị N và ông Hà Văn C không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1]. Về tình cảm: Bà Đinh Thị N và ông Hà Văn C chung sống như vợ chồng từ năm 1994, trên cơ sở do hai bên cùng tự nguyện tìm hiểu, không bên nào bị ép buộc, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Hai ông bà sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N đi thu mua sắt vụn thường xuyên vắng nhà, không có nhiều

thời gian cho chồng con, ông C không tin tưởng vợ nên vợ chồng có cãi cọ và có đánh đập nhau. Tại phiên tòa hai ông bà đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật bảo vệ, do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Hà Văn C.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông C có với nhau 03 con chung là các cháu Hà Thị Đ sinh năm 1997 (đã trưởng thành), cháu Hà Thị Đ1 sinh ngày 01/9/2003 và cháu Hà Văn T sinh ngày 19/02/2005. Tại phiên tòa, bà N và ông C cùng thống nhất tôn trọng nguyện vọng muốn ở với mẹ của cháu Đ1 và cháu T, giao cháu Hà Thị Đ1 và Hà Văn T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Đ1, cháu T trưởng thành. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N không yêu cầu.

Xét việc thỏa thuận về việc trực tiếp nuôi con khi ly hôn của bà N và ông C là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ1, cháu T nên cần căn cứ vào các Điều 3 Bộ luật dân sự; Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu cháu Hà Thị Đ1 sinh ngày 01/9/2003 và cháu Hà Văn T sinh ngày 19/02/2005 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu Đ1, T trưởng thành. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông C được quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung vợ chồng: Bà N và ông C đều xác định, hai ông bà đã tự thoả thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng theo biên bản thoả thuận ngày 29/6/2017 và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4].Về nợ chung vợ chồng: Bà N và ông C xác định ông bà không có nợ chung vợ chồng.

[2.4]. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14; các Điều 15; 16; 53; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Hà Văn C.

2. Về con chung: Bà N và ông C có 03 con chung là các cháu Hà Thị Đ sinh năm 1997 (đã trưởng thành), cháu Hà Thị Đ1 sinh ngày 01/9/2003 và cháu Hà Văn T sinh ngày 19/02/2005. Giao cháu Hà Thị Đ1 và cháu Hà Văn T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu Đ1, T trưởng thành.

Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông C được quyền thăm nom con; không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông C đã tự thoả thuận về việc phân chia tài sản chung vợ chồng theo biên bản thoả thuận ngày 29/6/2017 và không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà N, ông C không có nợ chung.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2013/03567 ngày 27 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị N, ông Hà Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lò Thị Chơ